

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG					DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025										Biểu số 01
					(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND phường Hòa Cường)										
					ĐVT: Triệu đồng										
STT	TÊN ĐƠN VỊ/NỘI DUNG	DỰ TOÁN THU NSNN			TỔNG KINH PHÍ	TRONG ĐÓ DỰ TOÁN CHI NSNN									
		SỐ THU PHÍ	CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	SỐ PHÍ NỢP NSNN		CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI KHÁC	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Dự toán được phân bổ đầu năm 2025				132.144	503	896	2.813	814	1.492	4.001	87.811	6.930	2.215	
II	10% tiết kiệm theo Nghị định số 173/2025				2.565	47		155	51	121	302	1.321	568		
III	Dự toán được sử dụng (III=I-II)				129.579	456	896	2.658	763	1.371	3.699	86.490	6.362	2.215	
IV	ĐT đã sử dụng 6 tháng từ nguồn đầu năm				58.091,956183	43,246350	446,140220	1.360,710995	295,050720	420,332140	1.041,651457	41.575,725762	401,872600	475,022104	
V	Dự toán còn lại 6 tháng cuối năm 2025 (V=III-IV)				71.487,043817	412,753650	449,859780	1.297,289005	467,949280	950,667860	2.657,348543	44.914,274238	5.960,127400	1.739,977896	
VI	Dự toán Quyết định đợt này				71.487,043817	413	450	1.297	468	951	2.657	44.914	5.960,043817	1.740	
VII	Chi thường xuyên				71.487,043817	413	450	1.297	468	951	2.828	44.743	5.960,043817	1.740	
	Tập trung ngân sách				9.977,043817	6	-	-	-	-	1.182	4.141	3.762	-	
	Phân bổ	1.924	1.487	437	61.510	407	450	1.297	468	951	1.646	40.602	2.198	1.740	
A	Quản lý hành chính	894	663	231	59.564	407	450	456	14	951	1.475	40.602	1.718	1.740	
1	Quản lý nhà nước	894	663	231	37.528	222	450	433	-	951	1.230	19.033	1.718	1.740	
1.1	Văn phòng HĐND và UBND				24.285			70				11.514		950	
1.2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị				4.888					951	1.230	2.250	447	10	
1.3	Phòng Văn hóa - Xã hội				6.259	222	450	363				3.173	1.271	780	
1.4	Trung tâm phục vụ hành chính công	894	663	231	2.096							2.096			
2	Đảng ủy				13.311	185	-	18	-	-	-	13.108	-	-	
2.1	Đảng ủy				13.311	185		18				13.108			
3	Mặt trận - Đoàn thể				8.725	-	-	5	14	-	245	8.461	-	-	
3.1	Ủy ban MTTQVN				8.725			5	14		245	8.461			
B	Đơn vị sự nghiệp	1.030	824	206	1.946	-	-	841	454	-	171	-	480	-	
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.030	824	206	1.946			841	454		171		480		